ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2017/TB-LPQT	*Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2017*

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Nghị định thư về hợp tác đào tạo giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, ký tại Viêng Chăn ngày 26 tháng 4 năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2017.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Nghị định thư theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
Q. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Lê Thị Tuyết Mai

NGHỊ ĐỊNH THƯ VỀ HỢP TÁC ĐÀO TẠO GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Căn cứ Thỏa thuận về Chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2011 - 2020 ký ngày 09 tháng 4 năm 2011 tại Thủ đô Hà Nội, Việt Nam;

Căn cứ Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Đề án "Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt – Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 – 2020" ký ngày 22 tháng 4 năm 2011 tại Thủ đô Viêng Chăn, Lào;

Căn cứ Hiệp định hợp tác song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào giai đoạn 2016 - 2020 ký ngày 27 tháng 12 năm 2015 tại Thủ đô Viêng Chăn, Lào;

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (sau đây gọi là hai Bên) thỏa thuận như sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Hai Bên giao Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào phối hợp với các cơ quan liên quan tích cực triển khai Đề án "Nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác Việt – Lào trong lĩnh vực giáo dục và phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2011 – 2020" ký ngày 22 tháng 4 năm 2011 tại Thủ đô Viêng Chăn, Lào.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào phối hợp thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 05/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 20/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực giúp Lào, chú ý đảm bảo khâu tuyển chọn đầu vào, tăng cường đôn đốc, kiểm tra, quản lý lưu học sinh Lào tại Việt Nam và lưu học sinh Việt Nam tại Lào; tăng cường giám sát và hàng năm đánh giá công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào là cơ quan quản lý toàn diện lưu học sinh Lào, lưu học sinh Việt Nam và các loại hình đào tạo được quy định tại Nghị định thư này.

4. Nguyên tắc hợp tác: các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Nghị định thư này tuân thủ quy định pháp luật của mỗi nước và các điều ước quốc tế mà hai nước là thành viên.

Điều 2. Công tác tuyển chọn cán bộ, học sinh, sinh viên Lào sang đào tạo tại Việt Nam và cán bộ, học sinh, sinh viên Việt Nam sang đào tạo tại Lào

1. Công tác tuyển chọn cán bộ, học sinh, sinh viên Lào sang đào tạo tại Việt Nam và cán bộ, học sinh, sinh viên Việt Nam sang đào tạo tại Lào được thực hiện theo Kế hoạch hợp tác hàng năm giữa Chính phủ hai nước và Kế hoạch hợp tác hàng năm giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam tuyển chọn cán bộ, học sinh, sinh viên Việt Nam sang đào tạo tại Lào và Bộ Giáo dục và Thể thao Lào tuyển chọn cán bộ, học sinh, sinh viên Lào sang đào tạo tại Việt Nam phải đảm bảo chất lượng và theo chỉ tiêu kế hoạch hợp tác hàng năm.

3. Hồ sơ của cán bộ, học sinh, sinh viên phải được lập thành 03 bộ (01 bộ bằng tiếng Lào và 02 bộ bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh (đối với lưu học sinh Lào) và 01 bộ bằng tiếng Việt và 02 bộ bằng tiếng Lào hoặc tiếng Anh (đối với lưu học sinh Việt Nam). Mỗi bộ hồ sơ được đựng trong túi giấy theo mẫu quy định, bao gồm:

- Phiếu đăng ký dự tuyển học bổng của Chính phủ (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch có dán ảnh 4x6 (ảnh chụp không quá 06 tháng);

- Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp, theo quy định của mỗi nước (không quá 6 tháng tính đến ngày làm hồ sơ);

- Bản sao hợp lệ giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu;

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương kèm theo bảng điểm (đối với ứng viên đại học);

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học hoặc tương đương (đối với ứng viên học thạc sỹ);

- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp và bảng điểm thạc sỹ và đề cương nghiên cứu (đối với ứng viên nghiên cứu sinh).

4. Thời hạn chuyển danh sách và hồ sơ của cán bộ, học sinh, sinh viên được cử đi đào tạo cho Bên tiếp nhận muộn nhất là 01 tháng trước ngày khai giảng khóa học.

5. Cục Hợp tác Quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Vụ Công tác sinh viên, Bộ Giáo dục và Thể thao Lào là cơ quan hướng dẫn thủ tục nộp hồ sơ, tiếp nhận, kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xét, duyệt hồ sơ và làm quyết định gửi về các cơ sở đào tạo theo chuyên ngành đã đăng ký.

Điều 3. Điều kiện về sức khỏe

1. Lưu học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào và lưu học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam phải có đủ sức khỏe theo quy định.

2. Trước khi nhập học, lưu học sinh phải kiểm tra sức khỏe, nếu phát hiện lưu học sinh mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh xã hội, dương tính với chất ma túy, nữ sinh có thai, Bộ Giáo dục hai nước sẽ trao đổi thông qua đường ngoại giao để đưa lưu học sinh về nước theo điều kiện thực tế.

3. Trong thời gian học tập, lưu học sinh được hưởng chế độ bảo hiểm y tế và chăm sóc sức khỏe theo quy định hiện hành của Việt Nam và Lào.

Điều 4. Điều kiện về tuổi

1. Đại học: không quá 35 tuổi tính đến ngày làm hồ sơ.

2. Thạc sỹ: không quá 40 tuổi tính đến ngày làm hồ sơ.

3. Tiến sỹ: Không hạn chế tuổi đối với ứng viên nghiên cứu ngành chính trị - hành chính và không quá 50 tuổi đối với các ngành khác tính đến ngày làm hồ sơ.

4. Các lớp bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn không quy định tuổi.

Điều 5. Điều kiện học tập

1. Lưu học sinh Việt Nam sang học tập tại Lào phải học bằng tiếng Lào, lưu học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam phải học bằng tiếng Việt. Trường hợp đặc biệt có thể đăng ký học bằng tiếng nước ngoài tùy theo chương trình của nước tiếp nhận cho phép và phải được sự đồng ý của nước cử đi học.

2. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ Lào được học thông qua phiên dịch.

3. Lưu học sinh Lào học đại học, sau đại học các ngành nghệ thuật, kiến trúc, mỹ thuật, xiếc và thể thao tại Việt Nam đều phải qua kiểm tra năng khiếu do Bộ Giáo dục và Thể thao Lào tổ chức.

4. Cán bộ, sinh viên Lào được tuyển chọn sang học đại học và sau đại học tại Việt Nam, nếu chưa biết tiếng Việt phải học dự bị tiếng Việt tại Lào (04) bốn tháng trước khi sang Việt Nam học tiếng Việt nâng cao và dự bị đại học trong thời gian tối đa (01) một năm học. Chi phí học dự bị tiếng Việt tại Lào được hỗ trợ từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào hàng năm. Lưu học sinh Việt Nam được học dự bị tiếng Lào tại Lào (01) một năm học.

5. Sau khi hoàn thành chương trình học dự bị tiếng, lưu học sinh Lào phải tham dự kiểm tra trình độ tiếng Việt và lưu học sinh Việt Nam phải tham dự kiểm tra trình độ tiếng Lào, nếu đạt yêu cầu, lưu học sinh Lào được nhận Quyết định của Bộ Giáo dục Đào tạo Việt Nam và lưu học sinh Việt Nam được nhận Quyết định của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào vào học chuyên ngành tại các cơ

sở đào tạo của hai nước. Trong trường hợp không đạt yêu cầu về trình độ tiếng Việt (đối với lưu học sinh Lào) và trình độ tiếng Lào (đối với lưu học sinh Việt Nam), lưu học sinh được phép học lại tối đa không quá 01 năm học (12 tháng) và phải tự chịu trách nhiệm về mọi chi phí phát sinh trong thời gian học lại tiếng Việt và tiếng Lào. Các cơ sở đào tạo chuyên ngành có thể từ chối tiếp nhận những lưu học sinh yếu kém về trình độ tiếng Việt (đối với lưu học sinh Lào) và tiếng Lào (đối với lưu học sinh Việt Nam). Trong quá trình đào tạo chuyên ngành, các cơ sở đào tạo cần xây dựng chương trình đào tạo bổ sung kiến thức tiếng Việt chuyên ngành cho lưu học sinh Lào và kiến thức tiếng Lào chuyên ngành cho lưu học sinh Việt Nam.

6. Lưu học sinh Việt Nam và lưu học sinh Lào phải học tất cả các môn học theo chương trình đào tạo chung của các cơ sở đào tạo của hai nước (trừ môn học về giáo dục quốc phòng và an ninh).

7. Lưu học sinh học sau đại học được miễn thi đầu vào nhưng phải kiểm tra kiến thức cơ bản và học bổ sung kiến thức theo quy định.

8. Trong quá trình học chuyên môn, lưu học sinh được phép kéo dài thời gian học tập và được cấp kinh phí thêm một năm (12 tháng) đối với hệ cao đẳng, đại học và và nghiên cứu sinh, 06 tháng đối với hệ đào tạo thạc sỹ. Nếu quá thời gian trên, lưu học sinh phải tự chịu trách nhiệm mọi chi phí phát sinh.

9. Lưu học sinh có nhiều thành tích trong học tập, tích cực hoạt động phong trào và có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá trở lên, được ưu tiên xét chuyển tiếp học bậc cao hơn nếu được Bên cử đi học đồng ý đưa vào chỉ tiêu kế hoạch đào tạo của năm tiếp theo.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của lưu học sinh

1. Tất cả lưu học sinh Việt Nam học tập tại Lào và lưu học sinh Lào học tập tại Việt Nam có quyền như sau:

- Bình đẳng về học tập như đối với công dân nước sở tại;

- Tham gia mọi hoạt động hợp pháp theo quy định của nước sở tại;

- Lưu học sinh được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của nước sở tại;

2. Nghĩa vụ của lưu học sinh:

- Phải đăng ký trực tuyến (online) trên hệ thống quản lý của Bộ Giáo dục hai nước trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhập học.

- Tuân thủ pháp luật và phong tục tập quán của nước sở tại;

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của cơ sở đào tạo;

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của ký túc xá và nơi cư trú;

- Góp phần tăng cường tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam – Lào và tình hữu nghị quốc tế.

Điều 7. Các đối tượng lưu học sinh

1. Lưu học sinh bao gồm tất cả các đối tượng được nhận học bổng toàn phần, bán phần hoặc tự túc hoàn toàn.

2. Học bổng bao gồm học bổng Hiệp định do ngân sách nhà nước cấp và học bổng ngoài Hiệp định do các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tài trợ theo thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa các bên.

3. Lưu học sinh tự túc là lưu học sinh phải tự chịu trách nhiệm mọi chi phí trong suốt quá trình học tập.

4. Tất cả lưu học sinh Lào sang học tập tại Việt Nam bao gồm diện Hiệp định giữa Chính phủ hai nước, hợp tác giữa các Bộ, ngành, địa phương, tài trợ của các doanh nghiệp, các tổ chức trong và ngoài nước và diện tự túc đều phải có Quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào.

Điều 8. Một số thỏa thuận khác

1. Hai Bên thống nhất đưa nội dung các sản phẩm của công trình lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam – Lào vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục của hai nước.

2. Hai Bên tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ học tập và sinh hoạt của lưu học sinh phù hợp với khả năng ngân sách của mỗi Bên.

3. Hai Bên thống nhất tiếp tục cử giáo viên Việt Nam sang giảng dạy tiếng Việt cho cán bộ các Bộ, ngành và học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục của Lào. Phía Lào chủ động phối hợp với phía Việt Nam trong việc đào tạo giáo viên dạy tiếng Việt để từng bước thay thế các giáo viên Việt Nam.

4. Hai Bên tiếp tục thực hiện chương trình thí điểm dạy song ngữ Lào – Việt tại Trường Song ngữ Nguyễn Du, Thủ đô Viêng Chăn và sau đó triển khai tại các trường phổ thông của Lào có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện.

5. Hai Bên đồng ý coi môn tiếng Việt là môn ngoại ngữ tự chọn, được công nhận trong hệ thống giáo dục phổ thông của Lào và được đánh giá, ghi điểm vào học bạ của học sinh.

6. Hai Bên đồng ý tạo điều kiện thuận lợi cho con em người gốc Việt Nam định cư ở Lào có đủ điều kiện sang học tập tại Việt Nam như đối với học sinh Lào.

Điều 9. Điều khoản cuối cùng

1. Nghị định thư hợp tác này có hiệu lực trong thời hạn 05 năm kể từ ngày ký. Nghị định thư có thể được sửa đổi, bổ sung theo sự thỏa thuận giữa hai Bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung là một phần không tách rời của Nghị định thư.

2. Trong trường hợp Nghị định thư hết hiệu lực, các hoạt động hợp tác đang được triển khai trong khuôn khổ Nghị định thư vẫn tiếp tục được diễn ra cho đến khi các hoạt động này kết thúc.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có những vướng mắc, bất đồng phát sinh, hai Bên thống nhất giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần hữu nghị và hợp tác.

4. Mỗi Bên có thể thông báo ý định về việc chấm dứt hiệu lực của Nghị định thư bằng cách thông báo cho Bên kia bằng văn bản qua đường ngoại giao trước 06 (sáu) tháng.

5. Làm tại Thủ đô Viêng Chăn, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, ngày 26 tháng 4 năm 2017, thành 02 bản gốc, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Lào, các văn bản có giá trị pháp lý như nhau./.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	**THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO**
Bùi Văn Ga **Thứ trưởng** **Bộ Giáo dục và Đào tạo**	**Koong Sỹ SENGMANY** **Thứ trưởng** **Bộ Giáo dục và Thể thao**

ອະນຸສັນຍາ

ວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືດ້ານການສ້າງບຸກຄະລາກອນ

ລະຫວ່າງ

ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ

ແລະ

ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ

ອີງຕາມ ການຕົກລົງກ່ຽວກັບຍຸດທະສາດໃນການຮ່ວມມືດ້ານເສດຖະກິດ, ວັດທະນະທຳ, ການສຶກສາ ແລະ ວິທະຍາສາດເຕັກນິກລະຫວ່າງລັດຖະບານສາທາລະນະລັດປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານສາທາລະນະລັດສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ໄລຍະປີ 2011-2020, ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນຄັ້ງວັນທີ 09 ເມສາ 2011 ທີ່ ນະຄອນຫຼວງຮ່າໂນ້ຍ ສສ.ຫວຽດນາມ.

ອີງຕາມ ການຕົກລົງລະຫວ່າງລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານສາທາລະ ນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ກ່ຽວກັບ ໂຄງການ“ ໂຄງການຍົກສູງຄຸນນະພາບ ແລະ ປະສິດທິຜົນໃນການ ຮ່ວມມື ລະຫວ່າງລັດຖະບານສາທາລະນະ ລັດສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວໃນຂົງເຂດ ການສຶກສາ ແລະ ພັດທະນາຊັບພະຍາກອນມະນຸດ ” ໄລຍະປີ ***2011-2020***, ລົງນາມຮ່ວມໃນ ວັນທີ 22 ເມສາ 2011 ທີ່ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ ສ.ປ.ປ.ລາວ.

ອີງຕາມ ສັນຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືທະວິພາຄີລະຫວ່າງລັດຖະບານສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ໄລຍະປີ 2016-2020, ທີ່ໄດ້ເຊັນກັນຄັ້ງວັນທີ 27 ທັນວາ 2015 ທີ່ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ ສ.ປ.ປ.ລາວ.

ລັດຖະບານ ສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມ ຫວຽດນາມ ແລະ ລັດຖະບານສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ (ຕໍ່ໄປນີ້ເອີ້ນວ່າສອງຝ່າຍ) ໄດ້ຕົກລົງດັ່ງນີ້:

ມາດຕາ I ຫຼັກການລວມ

1. ສອງຝ່າຍໄດ້ມອບໃຫ້ ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງສສ.ຫວຽດນາມ ຮ່ວມກັບ ກະຊວງສຶກສາທິການແລະ ກີລາສ.ປ.ປ.ລາວປະສານສົມທົບກັບບັນດາກະຊວງ,ຂະແໜງການຕ່າງໆທີ່ມີສ່ວນກ່ຽວຂ້ອງຜັນຂະຫຍາຍ ໂຄງການ “ ຍົກສູງຄຸນນະພາບ ແລະ ປະສິດທິຜົນໃນການຮ່ວມມືລະຫວ່າງລັດຖະບານສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ ແລະ ລັດຖະບານສາທາລະນະລັດ ສັງຄົມນິຍົມຫວຽດນາມໃນຂົງ

ເຂດການສຶກສາ ແລະ ພັດທະນາຊັບພະຍາກອນມະນຸດ ໄລຍະປີ *2011-2020* " ລົງນາມຮ່ວມໃນວັນທີ 22 ເມສາ 2011 ທີ່ ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ ສ.ປ.ປ.ລາວ.

2. ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງສສ.ຫວຽດນາມຮ່ວມກັບກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາສ.ປ.ປ.ລາວພ້ອມກັບ ປະສານສົມທົບ ແລະ ເປັນເຈົ້າການຈັດຕັ້ງປະຕິບັດເຄື່ງຄັດກ່ຽວກັບຄຳສັ່ງເລກທີ 08/ນຍ ລົງວັນທີ 20 ກຸມພາ 2014 ຂອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ສ.ປ.ປ.ລາວ ແລະ ຄຳສັ່ງເລກທີ 33/CT-TTg ລົງວັນທີ 05 ພະຈິກ 2014 ຂອງນາຍົກລັດຖະມົນຕີ ສສ.ຫວຽດນາມ.ໃຫ້ບັນດາກະຊວງ, ຂະແໜງການທີ່ກ່ຽວຂ້ອງ ດຳເນີນການຍົກສູງຄຸນນະພາບໃນການສ້າງບຸກຄະລາກອນໃຫ້ແກ່ລາວ, ເອົາໃຈໃສ່ໃນການຄັດເລືອກເອົາພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາເຂົ້າຮຽນທີ່ມີຄຸນນະພາບ, ເພີ່ມທະວີໃນການກະຕຸກຊຸກຍູ້, ການຕິດຕາມກວດກາ, ການຄຸ້ມຄອງນັກສຶກສາລາວທີ່ ສສ.ຫວຽດນາມ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມທີ່ ສ.ປ.ປ.ລາວ ເພີ່ມທະວີການຕິດຕາມ, ກວດກາປະເມີນຜົນ,ສະຫຼຸບຕີລາຄາການຄຸ້ມຄອງນັກສຶກສາຮຽນຢູ່ທັງສອງປະເທດ ແລະ ການນຳໃຊ້ຊັບພະຍາກອນມະນຸດທີ່ໄດ້ສ້າງມາ.

3. ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງ ສສ.ຫວຽດນາມ ແລະ ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາສ.ປ.ປ.ລາວ ເປັນເຈົ້າການໃນການຄຸ້ມຄອງນັກສຶກສາລາວທຸກປະເພດ, ທຸກແຫຼ່ງທຶນການສຶກສາຢູ່ຫວຽດນາມ ແລະ ຄຸ້ມຄອງນັກສຶກສາຫວຽດນາມທຸກປະເພດ, ທຸກແຫຼ່ງທຶນການສຶກສາຢູ່ລາວບົນພື້ນຖານສັນຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືທະວິພາຄີລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານ.

4. ຫຼັກການໃນການຮ່ວມມື: ບັນດາການເຄື່ອນໄຫວການຮ່ວມມືໃນກອບທະວິພາຄີປະຕິບັດຕາມກົດໝາຍຂອງແຕ່ລະປະເທດ ແລະ ຂໍ້ກຳນົດຂອງສາກົນຊຶ່ງທັງສອງເປັນສາມາຊິກ.

ມາດຕາ 2: ການຄັດເລືອກເອົາພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາຫວຽດນາມໄປຮຽນທີ່ ສ.ປ.ປ.ລາວ ແລະ ພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາລາວ ໄປຮຽນທີ່ ສສ.ຫວຽດນາມ.

1. ການຄັດເລືອກພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາຫວຽດນາມໄປຮຽນທີ່ ສ.ປ.ປ.ລາວ ແລະ ພະນັກງານ,ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາລາວໄປຮຽນທີ່ສ.ສ ຫວຽດນາມໂດຍປະຕິບັດສັນຍາວ່າດ້ວຍການຮ່ວມມືທະວິພາຄີ ລະຫວ່າງສອງລັດຖະບານ ແລະ ແຜນຮ່ວມມືລະຫວ່າງກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງຫວຽດນາມກັບກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາສ.ປ.ປ.ລາວ ຊຶ່ງໄດ້ເຊັນກັນໃນແຕ່ລະປີ.

2. ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງຫວຽດນາມຄັດເລືອກ ແລະ ຈັດສົ່ງພະນັກງານ, ນັກຮຽນ,ນັກສຶກສາຫວຽດນາມໄປຮຽນທີ່ ສ.ປ.ປ.ລາວ ແລະ ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາລາວຄັດເລືອກພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາລາວໄປຮຽນທີ່ສສ.ຫວຽດນາມຕ້ອງຮັບປະກັນດ້ານຄຸນນະ ພາບ ແລະ ຕາມແຜນຮ່ວມມືໃນແຕ່ລະປີ

3. ເອກະສານນຳສົ່ງພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາຕ້ອງປະກອບເປັນ 3 ຊຸດ (1 ຊຸດເປັນພາສາຫວຽດ ແລະ 2 ຊຸດເປັນພາສາລາວ ຫຼື ພາສາອັງກິດ) ຕໍ່ກັບຜູ້ທີ່ໄປຮຽນຢູ່ ສ.ປ.ປ.ລາວ. (1 ຊຸດເປັນພາສາລາວແລະ 2 ຊຸດເປັນພາສາຫວຽດ ຫຼື ພາສາອັງກິດ) ຕໍ່ກັບຜູ້ທີ່ໄປຮຽນຢູ່ ສ.ປ.ປ.ລາວ. ເອກະສານແຕ່ລະຊຸດບັນຈຸຢູ່ໃນຊອງເອກະສານຕາມການກຳນົດ ແລະ ປະກອບມີ:

- ໜັງສືແຈ້ງທຶນຈາກຝ່ายหวยดนาม ຫຼື ຝ່ายลาว (ຕາມແບບທີ່ກຳນົດ)

- ປະຫວັດຫຍໍ້ພ້ອມຕິດຮູບຂະໜາດ 4x6 (ຖ່າຍບໍ່ເກີນ 6 ເດືອນ)
- ໃບຢັ້ງຢືນສຸຂະພາບຈາກໂຮງໝໍແຂວງ ຫຼື ສູນກາງອອກໃຫ້ (ບໍ່ເກີນ 6 ເດືອນ)
- ສຳເນົາໃບຢັ້ງຢືນການເກີດ ຫຼື ສຳມະໂນຄົວ
- ສຳເນົາປະກາສະນີຍະບັດພ້ອມ ຄະແນນຈົບມ.7 ຫຼືທຽບເທົ່າ (ເປັນພາສາອັງກິດ) (ຜູ້ໄປຮຽນປະລິນຍາຕີ)
- ສຳເນົາປະກາສະນີຍະບັດພ້ອມຄະແນນຈົບປະລິນຍາຕີ (ເປັນພາສາອັງກິດ) (ຕໍ່ກັບຜູ້ໄປຮຽນປະລິນຍາໂທ)
- ສຳເນົາປະກາສະນີຍະບັດພ້ອມຄະແນນຈົບປະລິນຍາໂທ ແລະ ຮ່າງເນື້ອໃນຫຍໍ້ (ເປັນພາສາຫວຽດ ຫຼືພາສາອັງກິດ) (ຕໍ່ກັບຜູ້ຄົ້ນຄວ້າປະລິນຍາເອກ)

4. ການສົ່ງບັນຊີລາຍຊື່ ແລະ ເອກະສານໃຫ້ຝ່າຍຮັບກ່ອນມື້ເປີດຊຸດຮຽນ 30 ວັນ ຂອງແຕ່ລະປີ.
5. ກົມໃຫຍ່ຮ່ວມມືສາກົນ, ກະຊວງສຶກສາ ແລະ ກໍ່ສ້າງຫວຽດນາມ ກັບ ກົມກິດຈະການນັກສຶກສາ, ກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາ ກັບ ເປັນໝ່ວຍງານທີ່ມີໜ້າທີ່ແນະນຳໃນການປະກອບເອກະສານ, ກວດກາຄວາມຖືກຕ້ອງຂອງເອກະສານ, ເປັນເຈົ້າການປະສານສົມທົບກັບພາກສ່ວນທີ່ກ່ຽວຂ້ອງກວດກາເອກະສານ, ອອກຂໍ້ຕົກລົງສົ່ງໄປຍັງສະຖານການສຶກສາຕາມຂະແໜງການທີ່ນັກສຶກສາຮຽນ.

ມາດຕາ 3: ເງື່ອນໄຂດ້ານສຸຂະພາບ

1. ນັກສຶກສາລາວໄປຮຽນທີ່ ສສ.ຫວຽດນາມ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມໄປຮຽນທີ່ ສ.ປ.ປ.ລາວຕ້ອງມີສຸຂະພາບແຂງແຮງ.
2. ກ່ອນເຂົ້າຮຽນນັກສຶກສາທຸກຄົນຕ້ອງໄດ້ຮັບການກວດສຸຂະພາບ, ຖ້າພົບເຫັນນັກສຶກສາມີພະຍາດຕິດແປດຊຳເຮື້ອ, ພະຍາດສັງຄົມ (HIV, AIDS, ສິ່ງເສບຕິດ...ຫຼືຜູ້ຍິງຖືພາ) ກະຊວງສຶກສາທັງສອງຈະປຶກສາຫາລືຜ່ານການທູດເພື່ອຈັດສົ່ງນັກສຶກສາກັບປະເທດຕາມເງື່ອນໄຂຕົວຈິ່ງ.
3. ໄລຍະສຶກສາຢູ່ນັ້ນນັກສຶກສາແຕ່ລະຄົນມີສິດໄດ້ຮັບປະກັນໄພສຸຂະພາບ ແລະ ດູແລປິ່ນປົວສຸຂະພາບຕາມການກຳນົດຂອງແຕ່ລະປະເທດ

ມາດຕາ 4: ເງື່ອນໄຂດ້ານອາຍຸ

1. ນັກສຶກສາຮຽນປະລິນຍາຕີ: ມີອາຍຸຕ່ຳກວ່າ 35 ປີ (ເວລາປະກອບເອກະສານ)
2. ນັກສຶກສາຮຽນປະລິນຍາໂທ: ມີອາຍຸຕ່ຳກວ່າ 40 ປີ (ເວລາປະກອບເອກະສານ)
3. ນັກຄົ້ນຄວ້າປະລິນຍາເອກສາຍທົ່ວໄປ ມີ ອາຍຸຕ່ຳກວ່າ 50 ປີ (ເວລາປະກອບເອກະສານ) ສ່ວນຂະແໜງການເມືອງ-ການປົກຄອງບໍ່ກຳນົດດ້ານອາຍຸ.
4. ນັກຝຶກງານບໍ່ກຳນົດອາຍຸ

ມາດຕາ 5: ເງື່ອນໄຂດ້ານການສຶກສາ

1. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມຮຽນທີ່ ສ.ປ.ປ.ລາວຕ້ອງຮຽນຕາມຫຼັກສູດເປັນພາສາລາວ ແລະ ນັກສຶກສາລາວທີ່ມາຮຽນຢູ່ຫວຽດນາມຕ້ອງຮຽນຕາມຫຼັກສູດເປັນພາສາຫວຽດ. ນັກສຶກສາ ສາມາດລົງທະບຽນຮຽນເປັນພາສາຕ່າງປະເທດອື່ນໄດ້ຕາມຫຼັກສູດຂອງປະເທດຮັບ(ຖ້າມີ)ແລະໄດ້ຮັບການຕົກ ລົງເຫັນດີຈາກຝ່າຍສົ່ງມາຮຽນ.
2. ພະນັກງານທີ່ໄປເຝິກອົບຮົມໄລຍະສັ້ນແມ່ນຮຽນຜ່ານການແປພາສາ.
3. ນັກສຶກສາລາວມາຮຽນປະລິນຍາຕີ, ເໜືອປະລິນຍາຕີໃນຂະແໜງສິລະປະກຳ, ສິລະປະດົນຕີ, ກາຍຍະສິນ, ການກີລາທີ່ສສ.ຫວຽດນາມ ຕ້ອງມີການສອບເສັງ, ທົດສອບດ້ານພອນສະຫວັນ ຊຶ່ງກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາເປັນຜູ້ກຳນົດມາດຖານ ແລະ ດຳເນີນການ.
4. ພະນັກງານ ແລະ ນັກສຶກສາລາວທີ່ຈະໄປຮຽນປະລິນຍາຕີ ແລະ ເໜືອປະລິນຍາຕີຢູ່ ສສ.ຫວຽດນາມ (ຜູ້ທີ່ບໍ່ທັນຮູ້ພາສາຫວຽດ) ຕ້ອງໄດ້ຮຽນກຽມພາສາຫວຽດຂັ້ນພື້ນຖານຢູ່ລາວ 4 ເດືອນກ່ອນຈະເດີນທາງໄປກຽມຢູ່ຫວຽດນາມຕື່ມອີກ 1 ສົກຮຽນເພື່ອຍົກລະດັບພາສາຫວຽດ ແລະ ກຽມມະຫາວິທະຍາໄລ. ງົບປະມານກຽມພາສາຫວຽດຂັ້ນພື້ນຖານ 4 ເດືອນຢູ່ລາວນຳໃຊ້ງົບປະມານຊ່ວຍເຫຼືອຈາກລັດຖະບານຫວຽດນາມໃຫ້ລັດຖະບານລາວໃນແຕ່ລະປີ. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມໄດ້ຮຽນກຽມພາສາລາວທີ່ ສ.ປ.ປ.ລາວ 1 ປີຮຽນ.
5. ພາຍຫຼັງສຳເລັດການກຽມພາສາ 1 ປີຮຽນແລ້ວນັກສຶກສາລາວຕ້ອງເສັງກວດລະດັບພາສາຫວຽດ ແລະ ນັກສຶກສາຫວຽດນາມຕ້ອງເສັງກວດລະດັບພາສາລາວ. (ພ້ອມນັ້ນສະຖານການສຶກສາບ່ອນຮັບນັກສຶກສາເຂົ້າຮຽນວິຊາສະເພາະມີສິດປະຕິເສດຮັບເນື່ອງຈາກພາສາບໍ່ຜ່ານ) ຖ້ານັກສຶກສາເສັງຜ່ານຈະໄດ້ຮັບຂໍ້ຕົກລົງເຂົ້າຮຽນເປັນທາງການ. ກໍລະນີຜູ້ທີ່ເສັງບໍ່ຜ່ານມີສິດຮຽນຄືນອີກ 1 ປີຮຽນແຕ່ຕ້ອງກຸ້ມຕົນເອງທັງໝົດ. ໄລຍະຮຽນວິຊາສະເພາະສະຖານການສຶກສາຕ້ອງຈັດການຮຽນພາສາຫວຽດລົງເລິກໃຫ້ນັກສຶກສາລາວ ແລະ ຈັດການຮຽນພາສາລາວລົງເລິກໃຫ້ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ.
6. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ແລະ ນັກສຶກສາລາວຕ້ອງຮຽນທຸກວິຊາຮຽນທີ່ມີໃນຫຼັກສູດ(ຍົກເວັ້ນວິຊາການທະຫານ)
7. ນັກສຶກສາຮຽນຫຼັງປະລິນຍາຕີໃຫ້ຍົກເວັ້ນຂັ້ນຕອນເສັງເຂົ້າແຕ່ຕ້ອງທົດສອບຄວາມຮູ້ພື້ນຖານ ແລະ ຕ້ອງຮຽນບາງວິຊາເພີ່ມເຕີ່ມຕາມການກຳນົດຂອງຫຼັກສູດ.
8. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມ ແລະ ນັກສຶກສາລາວຮຽນຫຼັກສູດຊັ້ນສູງ, ປະລິນຍາຕີ ແລະ ຄົ້ນຄວ້າປະລິນຍາເອກສາມາດຕໍ່ເວລາຮຽນອີກ 1 ປີ (12 ເດືອນ), ສ່ວນນັກສຶກສາຮຽນຫຼັກສູດປະລິນຍາໂທສາມາດຕໍ່ເວລາຮຽນໄດ້ 6 ເດືອນທຽບກັບການກຳນົດຂອງຫຼັກສູດ, ຖ້າກາຍເວລາດັ່ງກ່າວນັກສຶກສາຕ້ອງຮັບຜິດຊອບການໃຊ້ຈ່າຍທັງໝົດ.
9. ນັກສຶກສາທີ່ມີຜົນການຮຽນດີ-ເກັ່ງ ແລະ ປະກອບສ່ວນການເຄື່ອນໄຫວວຽກງານດີ, ຈະໄດ້ຮັບພິຈາລະນາໃຫ້ຮຽນຂັ້ນຖັດທີ່ສູງກວ່າຖ້າໄດ້ຮັບການເຫັນດີ ແລະ ອະນຸມັດຈາກຝ່າຍສົ່ງ.

ມາດຕາ 6: ສິດ ແລະ ໜ້າທີ່ຂອງນັກສຶກສາ

1. ນັກສຶກສາຫວຽດນາມທີ່ຮຽນຢູ່ສ.ປ.ປ.ລາວ ແລະ ນັກສຶກສາລາວທີ່ຮຽນຢູ່ ສສ.ຫວຽດນາມມີສິດດັ່ງນີ້:

- ໄດ້ຮັບຄວາມສະເໝີພາບໃນການສຶກສາຮຽນຮູ້ຄືກັນກັບນັກສຶກສາປະເທດເຈົ້າພາບ.
- ສາມາດເຂົ້າຮ່ວມ ແລະ ປະກອບສ່ວນທຸກການເຄື່ອນໄຫວທີ່ສອດທຳຕາມການກຳນົດຂອງປະເທດທີ່ຕົນຮຽນຢູ່.
- ນັກສຶກສາໄດ້ຮັບສິດຕາມການກຳນົດຂອງປະເທດທີ່ຕົນຮຽນຢູ່.

2. ພັນທະຂອງນັກສຶກສາ

- ຕ້ອງລົງທະບຽນອອນລາຍ(Online) ຕາມລະບົບການຄຸ້ມຄອງນັກສຶກສາຂອງແຕ່ລະປະເທດພາຍໃນ 3 ເດືອນນັບແຕ່ມື້ເຂົ້າຮຽນ.
- ຕ້ອງເຄົາລົບນັບຖືກົດໝາຍ, ລະບຽບການຕ່າງໆຂອງປະເທດເຈົ້າພາບໃຫ້ເຂັ້ມງວດ
- ປະຕິບັດຢ່າງເຂັ້ມງວດບັນດາຂໍ້ກຳນົດກົດລະບຽບຂອງໂຮງຮຽນກໍ່ຄືຫໍພັກນັກສຶກສາວາງອອກ.
- ມີໜ້າທີ່ປະກອບສ່ວນເພີ່ມທະວີຄວາມສາມັກຄີແບບພິເສດຫວຽດນາມ-ລາວ ແລະ ຄວາມສາມັກຄີ ສາກົນ.

ມາດຕາ 7 ນັກສຶກສາ

1. ນັກສຶກສາໝາຍເຖິງບັນດາເປົ້າມາຍທີ່ໄດ້ຮັບທຶນການສຶກສາເຕັມ, ຮັບທຶນສ່ວນໜຶ່ງຫຼືກຸ້ມຕົນເອງ.
2. ທຶນລັດຖະບານໝາຍເຖິງທຶນການສຶກສາໄດ້ຈາກການລົງທຶນຂອງລັດຖະບານ. ນອກນັ້ນຍັງມີ ທຶນ ແຫຼງກ່ຽນລະຫວ່າງກະຊວງ, ຂະແໜງການ, ທ້ອງຖິ່ນ, ບໍລິສັດ, ການຈັດຕັ້ງ, ນິຕິບຸກຄົນທີ່ໃຫ້ທຶນຂຶ້ນກັບການຕົກລົງລະຫວ່າງ 2 ຝ່າຍ.
3. ທຶນສ່ວນຕົວແມ່ນນັກສຶກສາຕ້ອງຮັບຜິດຊອບທຸກການໃຊ້ຈ່າຍໃນການສຶກສາ.
4. ນັກສຶກສາທຸກຄົນ(ທຸກທຶນ) ໄປຮຽນທີ່ ສສ.ຫວຽດນາມຕ້ອງໄດ້ປະກອບເອກະສານທີ່ກົມກິດຈະການນັກສຶກສາ ແລະ ຕ້ອງມີຂໍ້ຕົກລົງຂອງລັດຖະມົນຕີກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາ.
5. ນັກສຶກສາທຸກຄົນ(ທຸກທຶນ) ໄປຮຽນທີ່ ສສ.ຫວຽດນາມຕ້ອງໄດ້ປະກອບເອກະສານທີ່ກົມກິດຈະການນັກສຶກສາ ແລະ ຕ້ອງມີຂໍ້ຕົກລົງຂອງລັດຖະມົນຕີກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາ.

ມາດຕາ 8: ບາງຂໍ້ກຳນົດອື່ນ

1. ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບນຳເອົານຶ້ອໃນ ແລະ ຜະລິດຕະພັນໂຄງການປະຫວັດສາດສາຍພົວພັນຮ່ວມມືລາວ-ຫວຽດນາມເຂົ້າສອນໃນໂຮງຮຽນລະດັບຕ່າງໆຂອງແຕ່ລະປະເທດ.
2. ສອງຝ່າຍສືບຕໍ່ລົງທຶນກໍ່ສ້າງພື້ນຖານໂຄງລ່າງ, ປະກອບອຸປະກອນຮັບໃຊ້ການຮຽນ ແລະ ການດຳລົງຊີວິດຂອງນັກສຶກສາ.
3. ສອງຝ່າຍເປັນເອກະພາບສືບຕໍ່ສົ່ງຄູຫວຽດນາມມາສອນພາສາຫວຽດໃຫ້ພະນັກງານ, ນັກຮຽນ, ນັກສຶກສາຢູ່ສຳນັກງານ, ອົງການ, ໂຮງຮຽນ ແລະ ທ້ອງຖິ່ນທີ່ມີເງື່ອນໄຂ. ຝ່າຍລາວເປັນເຈົ້າການສົມທົບກັບຝ່າຍຫວຽດນາມໃນການສ້າງຄູຄົນລາວສອນພາສາຫວຽດເພື່ອທົດແທນຄູຫວຽດນາມເທື່ອລະກ້າວ.
4. ສືບຕໍ່ໂຄງການສອງພາສາລາວ-ຫວຽດນາມທີ່ໂຮງຮຽນສາມັນຫງວຽນຢູ ພ້ອມນັ້ນຂະຫຍາຍສູ່ໂຮງຮຽນ

ສາມັນອື່ນໆບ່ອນທີ່ມີເງື່ອນໄຂ.

5. ສອງຝ່າຍເຫັນດີຖືເອົາພາສາຫວຽດເປັນພາສາຕ່າງປະເທດທີ 2 ໄດ້ຮັບຮອງໃນລະບົບການສຶກສາຂອງລາວ ແລະ ສາມາດບັນທຶກຜົນການຮຽນໃສ່ປຶ້ມຕິດຕາມການຮຽນໄດ້.
6. ອຳນວຍຄວາມສະດວກໃຫ້ລູກຫຼານຊາວຫວຽດນາມຕ່າງດ້າວອຢູ່ລາວຜູ້ທີ່ຄົບເງື່ອນໄຂໄດ້ໄປຮຽນທີ່ ສສ.ຫວຽດນາມຄືກັນກັບນັກສຶກສາລາວ.

ມາດຕາ 9 ບັນຫາສຸດທ້າຍ

1. ອະນຸສັນຍາສະບັບນີ້ມີຜົນບັງຄັບນີ້ມີຜົນບັງຄັບໃຊ້ພາຍໃນ 5 ປີນັບແຕ່ມື້ລົງລາຍເຊັນເປັນຕົ້ນໄປ, ສາມາດດັດແກ້ເພີ່ມເຕີ່ມຕາມການຕົກລົງຂອງສອງຝ່າຍ, ເນື້ອໃນດັດແກ້ ແລະ ເພີ່ມເຕີ່ມດັ່ງກ່າວເປັນສ່ວນໜຶ່ງຂອງອະນຸສັນຍາ
2. ກໍລະນີອະນຸສັນຍາສະບັບນີ້ໝົດກຳນົດ, ບັນດາການຮ່ວມມືໃນກອບອານຸສັນຍາສາມາດດຳເນີນຕໍ່ຈົນ ສຳເລັດ.
3. ໄລຍະດຳເນີນອານຸສັນຍາຖ້າມີຂໍ້ຂັດແຍ່ງ, ບໍ່ເອກະພາບ ສອງຝ່າຍຕົກລົງແກ້ໄຂບັນຫາດ້ວຍວິທີການເຈ ລະຈາບົນພື້ນຖານມິດຕະພາບ ແລະ ການຮ່ວມມື.
4. ແຕ່ລະຝ່າຍສາມາດຍົກເລີກອານຸສັນຍາດ້ວຍວິທີການສົ່ງເອກະສານເປັນທາງການໃຫ້ອີກຝ່າຍໜຶ່ງຊາບກ່ອນ 6 ເດືອນ.
5. ອານຸສັນຍາສະບັບນີ້ສ້າງຂຶ້ນທີ່ນະຄອນຫຼວງວຽງຈັນ ສ.ປ.ປ.ລາວ, ວັນທີ 26 ເມສາ 2017 ເປັນສອງຊຸດ ແຕ່ລະຊຸດມີ 2 ສະບັບເປັນພາສາລາວ ແລະ ພາສາຫວຽດ, ແຕ່ລະສະບັບລ້ວນແລ້ວມີຄຸນຄ່າທາງດ້ານກົດໝາຍເທົ່າທຽມກັນ.

ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ສ.ສ ຫວຽດນາມ	ຕາງໜ້າລັດຖະບານ ສ.ປ.ປ.ລາວ
ທ່ານ ຫຼຽ ວັນ ກາ	ທ່ານ ກອງສີ ແສງມະນີ
ຮອງລັດຖະມົນຕີກະຊວງສຶກສາແລະກໍ່ສ້າງ	**ຮອງຖະມົນຕີກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ກີລາ**